**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

**Công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục năm học 2023 - 2024**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Thời gian: Hôm nay 15 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 10 năm 2023, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT đối với trường Mầm non 26

Địa điểm: Trường Mầm non 26

1. Thành phần:

1. Đại diện đoàn kiểm tra

- Bà Lê Thị Kim, Hiệu trưởng – Trưởng đoàn

- Bà Lê Thị Ngọc Phương, Chủ tịch Công đoàn – Phó trường đoàn

- Bà Lê Thị Mai Trâm, Trưởng ban Thanh tra nhân dân – Thư ký

2. Đối tưởng kiểm tra

- Bà Đặng Thị Phương Đài, Phó hiệu trưởng CSGD

- Bà Đặng Thị Tố Quyên, Phó hiệu trưởng CSND

- Bà Trần Thị Phương Thảo, Kế toán

- Bà Hồng Thị Mỹ Hạnh, Văn thư – Tổ trưởng tổ hành chánh

**B. Nội dung kiểm tra:**

**I. Việc xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của đơn vị**

- Trường Mầm non 26 đã xây dựng Kế hoạch số 143/KH-MN26 ngày 10 tháng 09 năm 2022 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

- Biện pháp chỉ đạo thực hiện:

Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm người đứng đầu

**II. Việc triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT tại đơn vị**

- Đã triển khai Kế hoạch số 143/KH-MN26 của Trường Mầm non 26 ngày 10 tháng 09 năm 2022 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

**III. Kiểm tra thực tế việc thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của đơn vị**

**1.** Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị.

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

* Cam kết chất lượng giáo dục:

Mức độ về sức khỏe mà trẻ em đạt được.

Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được.

Chương trình chăm sóc giáo dục mà nhà trường tuân thủ.

Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

* Chất lượng giáo dục mầm non thực tế:

Tổng số trẻ em: 603 trẻ.

Số trẻ em được tổ chức ăn tại trường: 603 trẻ.

Số trẻ em được kiểm tra sức khỏe: 603 trẻ.

Số trẻ em được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng: 603 trẻ.

Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ: cân năng, chiều cao; Số trẻ SDD, thừa cân, béo phì:

* Số trẻ cân nặng bình thường: 553 trẻ.
* Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 10 trẻ.
* Số trẻ có chiều cao bình thường: 566 trẻ.
* Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: 03 trẻ.
* Số trẻ thừa cân béo phì: 37 trẻ.

Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục: 603 trẻ

* Xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng Giáo dục:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài.

Đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 Quyết định số 346-2/QĐ-SGDĐT ngày 20/2/2023 của Sở giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

* Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh, phòng làm việc,… tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp*.*

Diện tích đất, diện tích sân chơi, tường rào, nguồn nước, nguồn điện, kết nối Internet, trang thông tin điện tử, mạng nội bộ.

Tổng diện tích đất toàn trường (m2): 3704 m2.

Tổng diện tích sân chơi(m2): 750m2.

Diện tích phòng sinh hoạt chung (m2): 982.5m2 - Bình quân 1.6 m2/trẻ em.

Diện tích phòng vệ sinh (m2): 16m2 - Bình quân 0.45m2/trẻ em.

Diện tích hiên chơi (m2): 55m2 - Bình quân 0.29m2/trẻ em.

Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m2): 86m2 - Bình quân 3m2/trẻ em.

Diện tích nhà bếp (m2): 151 m2

* Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

-  Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, trình độ đào tạo, hạng chức danh nghề nghiệp, đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | | | Hạng chức danh  nghề nghiệp | | | Chuẩn nghề nghiệp | | | |
| TS | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV | Hạng III | Hạng II | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt |
|  | **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | **57** |  | **02** | **36** | **06** | **2** | **11** | **1** | **36** | **8** |  |  |  |  |
| **I** | **Giáo viên** | **40** |  |  | **34** | **6** | **0** |  | **0** | **35** | **5** | **7** | **5** |  |  |
| 1 | Nhà trẻ | 12 |  |  | 11 | 1 | 0 |  | 0 | 9 | 3 | 7 | 5 |  |  |
| 2 | Mẫu giáo | 28 |  |  | 23 | 5 | 0 |  | 0 | 26 | 2 | 5 | 15 | 6 | 2 |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | **3** |  |  | **3** |  |  |  |  |  | **2** |  | **3** |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 2 |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |  |  |  |
| **III** | **Nhân viên** | **14** |  |  | **1** |  | **1** | **12** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên văn thư | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thủ quỹ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhân viên y tế | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nhân viên khác | 11 |  |  |  |  |  | 11 |  |  |  |  |  |  |  |

* Công khai thu - chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai quy chế chi tiêu nội bộ.

Công khai dự toán và quyết toán ngân sách

2. Kết quả thực hiện

a. Hình thức công khai:

* Công khai trên website của nhà trường.
* Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.

b. Thời điểm công khai:

Công khai định kỳ hằng tháng, hằng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

1. Đã công khai các nội dung:

* Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non,
* Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế,
* Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
* Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên,
* Công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước,
* Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm).
* Công khai Quyết toán thu - chi nguồn ngân sách nhà nước, nguồn khác năm 2022

d. Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024.

Trường đã thực hiện việc tổng kết các mặt công khai năm học 2022-2023 đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024

3. Nhận xét, đánh giá:

- Ưu điểm:

Việc thực hiện tốt quy chế công khai đã giúp cho hoạt động của nhà trường hoàn thành tốt các nội dung; nhận thức và quan hệ của cán bộ giáo viên, nhân viên với phụ huynh học sinh được tốt hơn

- Hạn chế:

Công tác thực hiện quy chế công khai chưa được tách riêng mà còn đánh giá chung với công tác của nhà trường, đảng, đoàn thể

- Kiến nghị: Không có

Biên bản kết thúc lúc ..... giờ cùng ngày.

**Trưởng đoàn kiểm tra Đối tượng dược kiểm tra**

**Hiệu trưởng Phó HT/CSGD:**

**Phó HT/CSND:**

**Kế toán**

**Lê Thị Kim Văn Thư**

**Thành viên:**

**Lê Thị Ngọc Phương**

**Lê Thị Mai Trâm**